

Bản án số: **151/2024/HNGĐ-ST**

Ngày: 19 – 11 - 2024

Về việc: “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI – TỈNH BẾN TRE

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Hoàng Mịch

2. Bà Phạm Thị Lợi

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Bùi Thái Dương là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thảo Loan – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 11 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Đại xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 434/2024/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2024 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 307/2024/QĐXX-ST ngày 10 tháng 10 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 230/2024/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** **Nguyễn Thị Nga E**, sinh ngày: 20/6/1977 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 2, xã T, huyện B, tỉnh T.

- **Bị đơn:** **Trần Văn Đ**, sinh ngày: 06/6/1979 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp L, xã T, huyện B, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn xin ly hôn đề ngày 29/7/2024, bản tự khai ngày 18/9/2024, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Nga E trình bày:

Chị và anh Trần Văn Đ kết hôn năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre. Quá trình chung sống thời gian đầu có hạnh phúc, đến tháng 5 năm 2023 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã và vợ chồng sống ly thân, không hàn gắn tình cảm được cho đến nay. Quá trình chung sống, chị và anh Đ có 01 con chung Trần Thị Thủy T, sinh ngày: 13/9/2010, chị đang nuôi dưỡng. Tài sản chung và nợ chung: Không có.

Chị Nguyễn Thị Nga E khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Được ly hôn với anh Trần Văn Đ.

- Về con chung: Ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung hằng tháng là 2.000.000 đồng.

- Tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Nguyễn Thị Nga E có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt đề ngày 19/9/2024.

* Bị đơn anh Trần Văn Đ các lần Tòa án triệu tập hòa giải, xét xử đến lần thứ hai đều vắng mặt nên không có lời khai.

*Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên Tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:* Đối với Thẩm phán phân công giải quyết án xác định đúng quan hệ tranh chấp, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các nguyên tắc do pháp luật quy định. Đối với những người tham gia tố tụng thì nguyên đơn có chấp hành tốt theo Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn các lần hòa giải đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt là vi phạm nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về việc giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 119 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Nga E. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Nga E được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, anh Đ phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật. Tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị Nga E khai không có nên không đặt vấn đề xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

Chị Nguyễn Thị Nga E có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt đề ngày 19/9/2024 (Bút lục số 27). Bị đơn anh Trần Văn Đ đã được Tòa án nhân dân huyện Bình Đại tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, được Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, được triệu tập hợp lệ đến Tòa án để hòa giải, xét xử đến lần thứ 2 nhưng anh Đ đều vắng mặt (Anh Đ vẫn còn sinh sống tại địa phương, bút lục số 4). Căn cứ khoản 1, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị Nga, anh Đ là phù hợp, đúng quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị Nga E và anh Trần Văn Đ kết hôn năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre, phù hợp quy định của pháp luật nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống thời gian đầu có hạnh phúc, đến tháng 5 năm 2023 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo chị Nga E trình bày là do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã và vợ chồng sống ly thân, không hàn gắn tình cảm được cho đến nay. Chị Nga E vẫn giữ yêu cầu được ly hôn với anh Đ. Anh Đ không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu ly hôn của chị Nga E. Điều đó chứng tỏ hôn nhân giữa chị Nga E và anh Đ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Xét thấy, yêu cầu ly hôn của chị Nga E đối với anh Đ là có căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về nuôi dưỡng con chung:

Chị Nguyễn Thị Nga E khai, quá trình chung sống, chị Nga E và anh Đ có 01 con chung Trần Thị Thủy T, sinh ngày: 13/9/2010, hiện chị Nga E đang nuôi

dưỡng. Ly hôn chị Nga E yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Hội đồng xét xử xét thấy: Từ lúc chung sống và ly thân đến nay chị Nga E là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung, cháu Thủy con chung có nguyện vọng muốn sống chung với mẹ, chị Nga E (Thể hiện tại biên bản ghi ý kiến con chung ngày 18/9/2024, bút lục số 23). Anh Đ đều vắng mặt không có ý kiến phản hồi đối với việc nuôi con chung của chị Nga E. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Nga E được tiếp tục nuôi dưỡng con chung là phù hợp quy định pháp luật theo Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung:

Chị Nguyễn Thị Nga E nuôi dưỡng con chung Trần Thị Thủy T có yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng số tiền là 2.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy mức cấp dưỡng chị Nga E yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nhưng chị Nga E không có chứng cứ chứng minh nguồn thu nhập của anh Đạt để Hội đồng xét xử xem xét. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định của pháp luật theo Điều 107, 110, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình để xem xét, giải quyết là phù hợp. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 7 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định: “*Mức cấp dưỡng do Tòa án quyết định nhưng không thấp hơn một nửa tháng lương tối thiểu vùng tại nơi người cấp dưỡng đang cư trú cho mỗi tháng đối với mỗi người con*”. Căn cứ Nghị định số 74/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động của huyện Bình Đại là vùng III, mức lương tối thiểu tháng là **3.860.000 đồng**. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định nêu trên, buộc anh Đ phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Nga E hàng tháng số tiền là 1.930.000 đồng (**3.860.000 đồng/2**). Thời gian anh Đ thực hiện việc cấp dưỡng tính từ ngày xét xử sơ thẩm ngày 19/11/2024 đến khi con chung Trần Thị Thủy T đã thành niên (*Đủ 18 tuổi*).

[4] Về tài sản chung, nợ chung:

Đơn khởi kiện chị Nguyễn Thị Nga E khai không có nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[5] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên Tòa về việc giải quyết vụ án hôn nhân, con chung, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung và nợ chung là hoàn toàn phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, diễn biến tại phiên tòa và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

- Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chị Nguyễn Thị Nga E phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

- Án phí cấp dưỡng nuôi anh Trần Văn Đ phải chịu là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117, 118 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 233, 238; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 7 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ Nghị định số 74/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động;

Căn cứ điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của chị Nguyễn Thị Nga E.
2. Chị Nguyễn Thị Nga E được ly hôn với anh Trần Văn Đ.
3. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Nga E được nuôi dưỡng con chung tên Trần Thị Thủy T, sinh ngày: 13/9/2010.

Anh Trần Văn Đ phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Nguyễn Thị Nga E hằng tháng số tiền là 1.930.000 đồng (Một triệu chín trăm ba mươi nghìn đồng) kể từ ngày xét xử sơ thẩm ngày 19/11/2024 cho đến khi con chung Trần Thị Thủy T đã thành niên (*Đủ 18 tuổi*).

Trong thời gian con chung của chị Nga E và anh Đ chưa thành niên (*Chưa đủ 18 tuổi*), anh chị có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con và có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung. Người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Đơn khởi kiện chị Nguyễn Thị Nga E khai không có nên Hội đồng xét xử không xét đến.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con:

Chị Nguyễn Thị Nga E phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0002027 ngày 29 tháng 7 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre, chị Nga E đã nộp đủ án phí.

Anh Trần Văn Đ phải chịu là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Chị Nguyễn Thị Nga E và anh Trần Văn Đ vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (Phòng KTNV&THA);
- VKSND huyện Bình Đại;
- Chi cục THADS huyện Bình Đại;
- UBND xã T, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre (Số 09, ngày 02/3/2009);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Hồng Phương